

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2020

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hoàng Thành

Ông Hồ Quốc Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 (có yêu cầu xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Trương Thị X, sinh năm 1968 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông D và bà X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông D và bà X chung sống với nhau tại ấp A, xã TP hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn với nhau trong cách sống chung nên ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông D yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với bà X.

Con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 05/02/2006 và Trương Chí N, sinh ngày 18/6/2013. Hiện con chung do bà X nuôi dạy. Khi ly hôn ông D tự nguyện giao con chung cho bà X tiếp tục nuôi dạy nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông D không yêu cầu giải quyết.

*\*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 bà Trương Thị X trình bày:*

Bà X thống nhất với phần trình bày của ông D về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên hòa giải, bà X thống nhất chấm dứt mối quan hệ với ông D.

Về con chung: Bà X và ông D tự thỏa thuận theo nguyện vọng của các con là con chung giao bà X tiếp tục nuôi dạy nhưng bà X không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị X. Do ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà X có địa chỉ tại ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Vào ngày 20/7/2020, ông D và bà X có yêu cầu xin vắng mặt đến khi kết thúc vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông D và bà X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 và không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về việc ông bà chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là

vợ chồng. Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020, ông bà thừa nhận thời gian chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn nên ông bà thống nhất chấm dứt mối quan hệ với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị X là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, ông D và bà X có 02 con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 05/02/2006 (giới tính nữ) và Trương Chí N, sinh ngày 18/6/2013 (giới tính nam). Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 ông D tự nguyện giao con chung cho bà X tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Bởi vì, con chung hiện bà X nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, con chung đã trên 07 tuổi và tại bản tự khai ngày 15/6/2020 cháu Như Y, cháu Chí N có yêu cầu, nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà X. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho bà X nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà X xác định thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 , khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 14, 53, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xứt xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị X.

2.Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị X là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 05/02/2006 (giới tính nữ) và Trương Chí N, sinh ngày 18/6/2013 (giới tính nam) cho bà Trương Thị X tiếp tục nuôi dạy. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông D không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 15 tháng 6 năm 2020 ông D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011280 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**